

<u>ĐIỂM</u>	<u>NHÂN XÉT CỦA GIÁO VIÊN</u>
Đọc :
Viết :
TB :

A - KIỂM TRA ĐỌC

I - Đọc thành tiếng:

Bài đọc:

Đạt/5 điểm

II - Kiểm tra đọc hiểu (5 điểm) : 25 phút

1/ Đọc thầm bài:

ONG THỢ

Trời hé sáng, tổ ong mật nằm trong gốc cây bỗng hóa rộn rịp. Ong thường thức dậy sớm, suốt ngày làm việc không chút nghỉ ngơi. Ong Thợ vừa thức giấc đã vội vàng bước ra khỏi tổ, cất cánh tung bay. Ở các vườn chung quanh, hoa đã biến thành quả. Ong Thợ phải bay xa tìm những bông hoa vừa nở. Con đường trước mắt Ong Thợ mở rộng thênh thang. Ông mặt trời nhô lên cười. Hôm nào Ong Thợ cũng thấy ông mặt trời cười. Cái cười của ông hôm nay càng rạng rỡ. Ong Thợ càng lao thẳng về phía trước.

Chợt từ xa một bóng đen xuất hiện. Đó là thằng Quạ Đen. Nó lướt về phía Ong Thợ, xoẹt sát bên Ong Thợ toan đớp nuốt. Nhưng Ong Thợ đã kịp lách mình. Thằng Quạ Đen đuổi theo nhưng không tài nào đuổi kịp. Đường bay của Ong Thợ trở lại thênh thang.

Theo VÕ QUẢNG

2/ Làm bài tập:

Bài 1 (2,5 điểm): Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng nhất cho mỗi câu hỏi sau:

a) Tổ ong mật nằm ở đâu?

- a. Trên ngọn cây. b. Trong gốc cây. c. Trên cành cây.

b) Quạ đen đuổi theo Ong Thợ để làm gì?

- a. Để đi chơi cùng Ong Thợ.
b. Để đi lấy mật cùng Ong Thợ.
c. Để toan đớp nuốt Ong Thợ.

c) Câu nào dưới đây có hình ảnh nhân hóa?

- a. Ông mặt trời nhô lên cười.
b. Con đường trước mắt Ong Thợ mở rộng thênh thang.
c. Chợt từ xa một bóng đen xuất hiện.

d) Câu “*Ong Thọ bay xa tìm những bông hoa vừa nở.*” thuộc mẫu câu nào em đã học ?

- a. Ai là gì ? b. Ai làm gì ? c. Ai thế nào ?

e) Bộ phận trả lời câu hỏi *Ai ?* trong câu “*Con đường trước mắt Ong Thọ mở rộng thênh thang.*” là:

- a. Con đường
b. Con đường trước mắt
c. Con đường trước mắt Ong Thọ

Bài 2(1 điểm) : Gạch chân dưới từ chỉ đặc điểm.

Ong Thọ chăm chỉ và nhanh nhẹn.

Bài 3 (1,5điểm): Em chọn dấu chấm(.) dấu chấm hỏi(?) hay dấu chấm than(!) để điền vào ô trống dưới đây:

- a. Lễ hội Đền Hùng được tổ chức ở tỉnh nào
- b. Nếu ta thường xuyên tập luyện thể thao sẽ làm cho cơ thể cường tráng
- c. Bạn hãy giúp tôi nào

B - KIỂM TRA VIẾT (HS làm vào giấy kẻ ô li)

1) Chính tả (5điểm): 15 phút

- Bài viết: **Quà của đồng nội** (TV 3 tập 2, trang 127)
- Giáo viên đọc cho học sinh nghe viết đoạn 2 (*Khi đi qua..... chất quý trong sạch của trời.*).

2) Tập làm văn (5điểm): 25 phút

Đề bài : Em hãy viết một đoạn văn ngắn từ (7 đến 10 câu) kể về một việc làm tốt em đã làm để góp phần bảo vệ môi trường.

(Khối chuyên môn thống nhất đáp án và biểu điểm chi tiết)

Họ và tên GV coi, chấm:

Chữ kí của phụ huynh học sinh

1.

2.

3.

.....

(Thời gian 40 phút dành cho phần viết và đọc hiểu)

Họ và tên:..... Lớp :

A. Phần đọc .

1. Đọc thành tiếng(6đ).

GV chọn 1 đoạn ở mỗi bài tập đọc trong sách TV3,tập 1(khoảng 60 tiếng). Yêu cầu HS đọc trong 1 phút và trả lời 1 câu hỏi có liên quan đến nội dung đoạn văn đó.

2. Đọc thầm đoạn văn sau và làm bài tập (4đ).

Mùa hoa sấu

Vào những ngày cuối xuân, đầu hạ, khi nhiều loài cây đã khoác màu áo mới thì cây sấu mới bắt đầu chuyển mình thay lá.Đi dưới rặng sấu , ta sẽ gặp những chiếc lá nghịch ngợm.Nó quay tròn trước mặt, đậu lên đầu, lên vai ta rồi mới bay đi. Nhưng ít ai nắm được một chiếc lá đang rơi như vậy.

Từ những cành sấu non bật ra những chùm hoa trắng muốt, nhỏ như những chiếc chuông tí hon. Hoa sấu thơm nhẹ.Vị hoa chua chua thấm vào đầu lưỡi, tưởng như vị nắng non của mùa hè mới đến vừa đọng lại.

*** Hãy chọn và khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:**

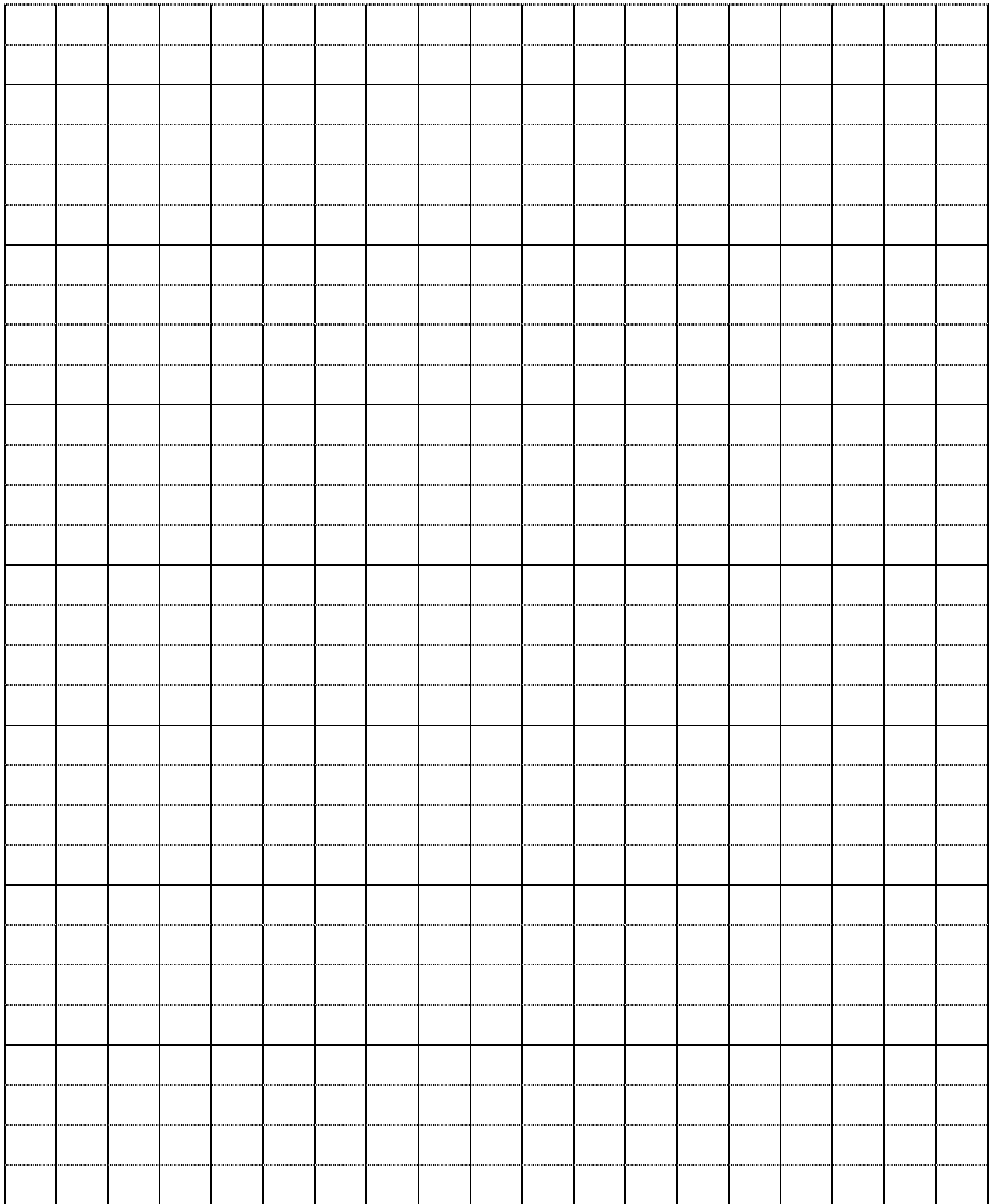
1. Cuối xuân , đầu hạ , cây sấu như thế nào ?

- a. Cây sấu ra hoa.
- b. Cây sấu thay lá.
- c. Cây sấu ra hoa và thay lá.

2. Hoa sấu có hình dáng như thế nào ?

- a. Trắng muốt.
- b. Nhỏ như những chiếc chuông tí hon.
- c. Chua chua như vị nắng non.

3. Câu văn nào không có hình ảnh so sánh ?



Điểm bài kiểm tra : Bài 1 :/ 6 điểm Bài 2 :/ 4điểm Chung đọc :.....

Bài 3 :/ 5 điểm Bài 4 : / 5 điểm Chung viết :

Giáo viên chấm :

HƯỚNG DẪN ĐỀ CHẤM TIẾNG VIỆT

Phần 1 : Đọc

Bài 1 : Đọc thành tiếng (6 đ)

- Điểm đọc tối đa : 5 đ
 - Điểm trả lời câu hỏi : 1 đ
 - Thời gian đọc và trả lời câu hỏi 3 phút
- Yêu cầu : - Đọc đúng tiếng (cả dấu thanh) : 3 đ

- Nếu đọc phải đánh vần trước khi đọc quá nửa số tiếng cho tối đa : 1 đ
- Đọc rõ ràng có ngắt nghỉ đúng dấu chấm , phẩy cho 1 đ
- Trả lời câu hỏi do giáo viên nêu ra : 1 đ

Bài 2 : Đọc hiểu (4 đ)

HS khoanh đúng mỗi câu cho 1 điểm .

PHẦN 2 : VIẾT

Bài 3 : Chính tả (5 đ)

Bài viết đạt các yêu cầu sau :

- Chép đủ số chữ trong đoạn văn thời gian 15 phút (2 đ)
- Viết đúng cỡ chữ, mẫu chữ theo quy định (1 đ)
- Biết viết hoa chữ cái các chữ đúng quy định (1 đ)
- Chữ viết đẹp , rõ ràng , khoảng cách chữ phù hợp (1 đ)

Bài 4 : Tập làm văn (5 đ)

Bài viết của HS đạt các yêu cầu sau :

- giới thiệu được một người hàng xóm mà em yêu quý (1 đ)
- Kể được một số đặc điểm cơ bản về người hàng xóm đó (2 đ)
- Tình cảm của em đối với người hàng xóm (1 đ)
- Diễn đạt tương đối mạch lạc, dùng từ đúng, chữ viết đúng mẫu (1 đ)

BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI KÌ I - NĂM HỌC: 2013-2014

Họ và tên:..... Lớp:..... Số báo danh:..... Số phách:.....

Phòng GD&ĐT Kim Động
Trường Tiểu học Toàn Thắng

Số phách:.....

BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI KÌ I - NĂM HỌC: 2013-2014

Môn: Tiếng Việt -Lớp 3

Thời gian: 90 phút

<u>Đọc</u>	<u>Viết</u>	<u>Điểm chung</u>	<u>GV chấm</u>
------------	-------------	-------------------	----------------

ĐỀ LỄ

A.KIỂM TRA ĐỌC:

I.Đọc thành tiếng: (5 điểm) Có đề kèm theo.

II.Đọc thầm và làm bài tập: (5 điểm)

BÀI ĐỌC : CHUYỆN CỦA LOÀI KIẾN

Xưa kia, loài kiến chưa sống thành đàn. Mỗi con ở lẻ một mình, tự đi kiếm ăn. Thấy kiến bé nhỏ, các loài thú thường bắt nạt. Bởi vậy, loài kiến chết dần chết mòn.

Một con kiến đỏ thấy giống nòi mình sắp diệt, nó bò đi khắp nơi, tìm những con kiến còn sót, bảo:

- Loài kiến ta sức yếu, về ở chung, đoàn kết lại sẽ có sức mạnh.

Nghe kiến đỏ nói phải, kiến ở lẻ bò theo. Đến một bụi cây lớn, kiến đỏ lại bảo:

- Loài ta nhỏ bé, ở trên cây bị chim tha, ở mặt đất bị voi chà. Ta phải đào hang ở dưới đất mới được.

Cả đàn nghe theo, cùng chung sức đào hang. Con khoét đất, con tha đất đi bỏ. Được ở hang rồi, kiến đỏ lại bảo đi tha hạt cây, hạt cỏ về hang để dành, khi mưa khi nắng đều có cái ăn.

Từ đó, họ hàng nhà kiến đông hẳn lên, sống hiền lành, chăm chỉ, không để ai bắt nạt.

Theo TRUYỆN CỔ DÂN TỘC CHĂM

Đọc thầm bài đọc trên và làm bài tập.

Câu 1: Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng nhất.

a) Ngày xưa, loài kiến sống như thế nào ?

A. Sống lẻ một mình. B. Sống theo đàn. C. Sống theo nhóm.

b) Kiến đỏ bảo những kiến khác làm gì ?

A. Về ở chung, đào hang, kiếm ăn từng ngày.

B. Về ở chung, sống trên cây, dự trữ thức ăn.

C. Về ở chung, đào hang, dự trữ thức ăn.

c) Vì sao họ hàng nhà kiến không để ai bắt nạt ?

A. Vì họ hàng nhà kiến biết đoàn kết lại.

B. Vì họ hàng nhà kiến cần cù lao động.

C. Vì họ hàng nhà kiến sống hiền lành, chăm chỉ.

BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI KÌ I - NĂM HỌC: 2013-2014

Họ và tên:..... Lớp:..... Số báo danh:..... Số phách:.....

Phòng GD&ĐT Kim Động
Trường Tiểu học Toàn Thắng

Số phách:.....

BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI KÌ I - NĂM HỌC: 2013-2014

Môn: Tiếng Việt -Lớp 3

Thời gian: 90 phút

Đọc	Viết	Điểm chung	<u>GV chấm</u>
-----	------	------------	----------------

ĐỀ CHẤM

A.KIỂM TRA ĐỌC:

I.Đọc thành tiếng: (5 điểm) Có đề kèm theo.

II.Đọc thầm và làm bài tập: (5 điểm)

BÀI ĐỌC : CHUYỆN CỦA LOÀI KIẾN

Xưa kia, loài kiến chưa sống thành đàn. Mỗi con ở lẻ một mình, tự đi kiếm ăn. Thấy kiến bé nhỏ, các loài thú thường bắt nạt. Bởi vậy, loài kiến chết dần chết mòn.

Một con kiến đỏ thấy giống nòi mình sắp diệt, nó bò đi khắp nơi, tìm những con kiến còn sót, bảo:

- Loài kiến ta sức yếu, về ở chung, đoàn kết lại sẽ có sức mạnh.

Nghe kiến đỏ nói phải, kiến ở lẻ bò theo. Đến một bụi cây lớn, kiến đỏ lại bảo:

- Loài ta nhỏ bé, ở trên cây bị chim tha, ở mặt đất bị voi chà. Ta phải đào hang ở dưới đất mới được.

Cả đàn nghe theo, cùng chung sức đào hang. Con khoét đất, con tha đất đi bỏ. Được ở hang rồi, kiến đỏ lại bảo đi tha hạt cây, hạt cỏ về hang để dành, khi mưa khi nắng đều có cái ăn.

Từ đó, họ hàng nhà kiến đông hẳn lên, sống hiền lành, chăm chỉ, không để ai bắt nạt.

Theo **TRUYỆN CỔ DÂN TỘC CHĂM**

Đọc thầm bài đọc trên và làm bài tập.

Câu 1. Gạch chân dưới các từ chỉ đặc điểm trong câu văn sau:

Từ đó, họ hàng nhà kiến đông hẳn lên, sống hiền lành, chăm chỉ, không để ai bắt nạt.

Câu 2. Đặt dấu chấm hay dấu chấm hỏi vào cuối mỗi câu sau cho thích hợp:

a.Bạn An đã có nhiều cố gắng trong học tập

b.Bao giờ lớp mình kiểm tra học kỳ

c.Huy có thích học đàn không

d.Ông tôi rất thích đọc báo

Câu 3: Tìm và ghi lại một câu theo mẫu “Ai thế nào?” trong bài.

II. Tập làm văn (5 điểm)

Đề bài: Em hãy viết một đoạn văn để kể về quê hương em..

A large grid of graph paper for writing the answer. The grid consists of 20 columns and 25 rows of small squares, providing a structured space for the student to write their response to the prompt.

**ĐỀ VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM PHẦN KIỂM TRA ĐỌC THÀNH TIẾNG
LỚP 3**

A. Bài đọc:

- Yêu cầu học sinh đọc thành tiếng một đoạn trong số các bài sau, trả lời một câu hỏi nội dung bài do giáo viên nêu. (Thời gian cho mỗi học sinh không quá 2 phút)

Bài 1: Năng phương Nam (Tiếng Việt 3 – Tập 1/trang 94)

*** HS đọc đoạn 1.**

Câu hỏi: Nghe đọc thư Vân, các bạn nhỏ mong ước điều gì ?

- **Gợi ý trả lời:** Các bạn nhỏ mong ước gửi cho Vân được ít năng phương Nam.

Bài 2: “ Vàm Cỏ Đông” (Tiếng Việt 3- Tập 1- Trang 106)

*** Đọc cả bài.**

Câu hỏi: Tác giả đã ví con sông quê mình với cái gì?

- **Gợi ý trả lời:** Ví con sông như dòng sữa mẹ.

Bài 3: “Hũ bạc của người cha” (Tiếng Việt 3- Tập 1- Trang 121)

*** Đọc đoạn 1+2**

Câu hỏi: Ông lão muốn con trai trở thành người như thế nào?

- **Gợi ý trả lời:** Ông lão muốn con trai là người siêng năng, chăm chỉ làm lụng, biết tự kiếm sống bằng chính sức lao động của mình.

Bài 4: “Đôi bạn” (Tiếng Việt 3 – Tập 1 – Trang 130)

*** Đọc đoạn 1**

Câu hỏi: Thành và Mến kết bạn vào dịp nào? Mến thấy thị xã có gì lạ?

- **Gợi ý:** Thành và Mến kết bạn từ ngày còn nhỏ. Mến thấy ở thị xã có nhiều phố, phố nào cũng có nhiều nhà ngói san sát, cái cao, cái thấp, xe cộ đi lại nườm nượp, đèn điện lấp lánh ...

Bài 5: “Về quê ngoại” (Tiếng Việt 3- Tập 1- Trang 132)

*** Đọc cả bài.**

Câu hỏi: + Bạn nhỏ ở đâu về thăm quê? Quê bạn nhỏ ở đâu?

- **Gợi ý trả lời:** Bạn nhỏ ở thành phố về thăm quê, quê bạn nhỏ ở nông thôn.

Đề thi kiểm tra học kì I môn Tiếng Việt lớp 3 năm học 2013- 2014 – Đề 4

Đề thi học kì 1 môn Tiếng Việt lớp 3 - đề số 4

I. KIỂM TRA ĐỌC: (10đ)

* Đọc thầm và làm bài tập (4đ)

Giáo viên cho học sinh đọc thầm Bài 17C: Nét đẹp ở làng quê, tập đọc “*Anh Đom Đóm*” sách tiếng việt lớp 3 tập 1B trang 103 - 104. Em hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước ý trả lời đúng cho mỗi câu hỏi sau:

Câu 1/ Anh Đóm lên đèn đi đâu?

a/ Anh Đóm lên đèn đi gác cho mọi người ngủ yên.

b/ Anh Đóm lên đèn đi chơi đêm.

c/ Anh Đóm lên đèn đi ngắm trăng.

Câu 2/ Từ nào sau đây có thể tả đức tính của anh Đóm?

a/ Chuyên cần.

b/ Thông minh.

c/ Nhanh nhẹn.

Câu 3/ Anh Đóm thấy những cảnh gì trong đêm?

a/ Chị Cò Bợ ru con.

b/ Thím Vạc lặn lẽ mò tôm bên sông.

c/ Cả hai câu trên đều đúng.

Câu 4/ Bộ phận in đậm, nghiêng trong câu “Bác nông dân *âm ỉc*” trả lời cho câu hỏi nào dưới đây ?

a/ Ai ?

b/ Làm gì ?

c/ Thế nào ?

II. KIỂM TRA VIẾT (10đ)

1 Chính tả (5đ)

Giáo viên đọc cho học sinh viết bài “*Vàng trăng quê em*” SGK Tiếng Việt 3 Tập 1B trang 101.
(5đ). 2 Tập làm văn

Em hãy kể từ 5 – 7 cho các bạn nghe về việc học tập của em trong học kì 1

Gợi ý:

- Học kì 1 em đã học tập thế nào (chăm chỉ, chuyên cần hay chưa cố gắng)
- Em thích học môn nào? Kết quả học môn nào của em tốt nhất?
- Bạn bè đã giúp đỡ em học tập hoặc em đã giúp bạn như thế nào?
- Thái độ của ông bà, cha mẹ trước kết quả học tập của em.

Đáp án đề thi học kì 1 môn Tiếng Việt lớp 3 - đề số 4

I. Kiểm tra đọc: (10đ)

* Đọc thầm và làm bài tập (4đ)

Khoanh tròn đúng mỗi câu được 1 điểm

1/ Câu 1: c/ Anh Đóm lên đèn đi ngắm trăng.

2/ Câu 2: a/ Chuyên cần.

3/ Câu 3: c/ Cả hai câu trên đều đúng.

4/ Câu 4: c/ Thế nào ?

II. Kiểm tra viết (10 điểm)

1/ Chính tả (5 điểm)

Bài viết không mắc lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng trình bày đúng đoạn văn: 5 điểm.
Mỗi lỗi chính tả trong bài viết (sai- lẫn phụ âm đầu hoặc vần, thanh; không viết hoa đúng quy định), trừ 0,5 điểm.

* **Lưu ý:** Nếu chữ viết không rõ ràng, sai về độ cao, khoảng cách, kiểu chữ hoặc trình bày bản,... bị trừ 1 điểm toàn bài.

2/ Tập làm văn (5 điểm)

- Học sinh viết được một đoạn văn 7 đến 10 câu đúng với nội dung yêu cầu của đề bài. Câu văn dùng đúng từ, không sai ngữ pháp, chữ viết rõ ràng, sạch đẹp được 5 điểm.

- Tùy theo mức độ sai sót về ý, về diễn đạt và chữ viết có thể cho các mức điểm 4,5; 4; 3,5; 3; 2,5; 2; 1,5; 1; 0,5.

- 2 ; 1,5 – 1

Đề thi kiểm tra học kì I môn Tiếng Việt lớp 3 năm học 2013- 2014 – Đề 5

Đề thi học kì 1 môn Tiếng Việt lớp 3 - đề số 5

A/ KIỂM TRA ĐỌC: (10 điểm)

1. I. Đọc thành tiếng : (6 điểm).....

(HS bốc thăm , đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi do GV nêu)

II. ĐỌC THÂM VÀ LÀM BÀI TẬP:(4 điểm) Trong thời gian 30 phút.

* Đọc thắm bài: “*Giọng quê hương*” (SGKTV3 – T1) Trang 76, sau đó khoanh vào câu trả lời mà em cho là đúng nhất cho mỗi câu hỏi dưới đây:

1/ **Thuyên và Đồng cùng ăn trong quán với những ai?**

- a. Cùng ăn với ba người trong quán.
- b. Cùng ăn với ba người thanh niên.
- c. Cùng ăn với bà chủ quán.

2/ **Vì sao anh thanh niên cảm ơn Thuyên và Đồng?**

- 1. Vì Thuyên và Đồng mời uống nước.
- 2. Vì Thuyên và Đồng có giọng nói gọi cho anh thanh niên nhớ đến người mẹ thân thương quê ở miền Trung.
- 3. Vì Thuyên có giọng nói miền Bắc.

3/ **Qua câu chuyện, em nghĩ gì về giọng quê hương?**

4/ **Trong các đoạn trích sau, những hoạt động nào được so sánh với nhau:**

- 1. a. Con trâu đen lông mượt

Cái sừng nó vênh vênh

Nó cao lớn lênh khênh

Chân đi như đập đất.

(Trần Đăng Khoa)

a1. Cái sừng nó vênh vênh.

a2. Chân đi như đập đất.

a3. Nó cao lớn lênh khênh.

1. b. Cây cao, cao mãi

Tàu vươn giữa trời

Như tay ai vẫy

Húng làn mưa rơi.

(Ngô Viết Dinh)

b1. Cây cao, cao mãi.

b2. Tàu cau vươn như tay vẫy.

b3. Húng làn mưa rơi.

B. KIỂM TRA VIẾT: (10 điểm)

I/ VIẾT CHÍNH TẢ: (5 điểm) : Thời gian :15 phút

Viết chính tả nghe viết bài “ *Đêm trăng trên Hồ Tây*”

II / TẬP LÀM VĂN: (5 điểm). Thời gian: 35 phút

1) **Đề bài:** Dựa vào gợi ý sau viết một bức thư ngắn (khoảng 10 câu) cho bạn, kể những điều em biết về thành thị hoặc nông thôn.

*** Theo gợi ý sau:**

a/ Nhờ đâu em biết (em biết khi đi chơi, khi xem ti vi, khi nghe kể . . .)?

b/ Cảnh vật, con người ở nông thôn (hoặc thành thị) có gì đáng yêu?

c/ Em thích nhất điều gì?

Đáp án đề thi học kì 1 môn Tiếng Việt lớp 3 - đề số 5

Hướng dẫn đánh giá cho điểm phần đọc thầm và làm bài tập:

HS chọn và ghi lại mỗi câu trả lời đúng được 1 điểm. Các câu đúng:

Câu 1: 1 b ; (1 điểm)

Câu 2: 2 b ; (1 điểm)

Câu 3: Học sinh ghi theo cảm nhận của mình:

- * Giọng quê hương rất thân thiết, gần gũi.
- * Giọng quê hương gợi nhớ những kỷ niệm sâu sắc với quê hương.
- * Giọng quê hương gắn bó những người cùng quê hương.

(Học sinh ghi đúng đạt 1 điểm)

Câu 4: (1 điểm)

4a. Học sinh chọn câu **a2** là đúng ; đạt 0,5 điểm

4b. Học sinh chọn câu **b2** là đúng; đạt 0,5 điểm

Hướng dẫn cho điểm phần kiểm tra viết:

I. Chính tả

Bài viết không mắc lỗi chính tả, viết chữ rõ ràng, trình bày đúng đoạn văn 5 điểm. Mỗi tiếng trong bài chính tả sai lần phụ âm đầu hoặc vần, thanh, không viết hoa đúng quy định trừ 0,5 điểm.

* **Lưu ý:** Nếu chữ viết không rõ ràng, sai về độ cao khoảng cách kiểu chữ hoặc trình bày bẩn trừ 1 điểm toàn bài.

II. Tập làm văn (5 điểm)

- HS viết được một bức thư ngắn theo gợi ý của đề bài, câu văn dùng từ đúng, không sai ngữ pháp, viết chữ rõ ràng sạch đẹp đạt 5 điểm.

- Tùy theo mức độ sai sót về ý, về chính tả mà GV cân nhắc cho điểm phù hợp với từng bài viết của HS. (4,5; 4; 3,5; 3; 2,5; 2; 1,5; 1; 0,5)

Đoạn chính tả cần viết

Hồ về thu, nước trong vắt, mênh mông. Trăng tỏa sáng rọi vào các gợn sóng lăn tăn. Thuyền ra khỏi bờ thì hây hây gió đông nam, sóng vỗ rập rình. Một lát, thuyền vào gần một đám sen. Bây giờ, sen trên hồ đã gần tàn nhưng vẫn còn lơ thơ mấy đóa hoa nở muộn. Mùi hương đưa theo chiều gió ngào ngạt . .

Đề thi kiểm tra học kì I môn Tiếng Việt lớp 3 năm học 2013- 2014 – Đề 6

A. Kiểm tra đọc và kiến thức tiếng Việt

Cho văn bản sau:

Người liên lạc nhỏ

1. Sáng hôm ấy, anh Đức Thanh dẫn Kim Đồng đến điếm hẹn. Một ông ké đã chờ sẵn ở đấy. Ông mỉm cười hiền hậu:
- Nào, bác cháu ta lên đường!
Ông ké chống gậy trúc, mặc áo Nùng đã phai, bợt cả hai cửa tay. Trông ông như người Hà Quảng đi cào cỏ lúa. Kim Đồng đeo túi nhanh nhẹn đi trước, ông ké lững thững đằng sau. Gặp điều gì đáng ngờ, người đi trước làm hiệu, người đằng sau tránh vào ven đường.

1. Đến quãng suối, vừa qua cầu thì gặp Tây đồn đem lính đi tuần. Kim Đồng bình tĩnh huýt sáo. Ông ké dừng lại, tránh sau lưng tảng đá. Lưng đá to lù lù, cao ngập đầu người. Nhưng lũ lính đã trông thấy. Chúng nó kêu âm lên. Ông ké ngồi ngay xuống bên tảng đá, thản nhiên nhìn bọn lính, như người đi đường xa, môi chân, gặp được tảng đá phẳng thì ngồi nghỉ chốc lát.

1. Nghe đằng trước có tiếng hỏi:

- Bé con đi đâu sớm thế?

Kim Đồng nói:

- Đón thầy mo này về cúng cho mẹ ốm.

Trả lời xong, Kim Đồng quay lại, gọi:

- Già ơi! Ta đi thôi! Về nhà cháu còn xa đây!

4. Mắt giặc tráo trưng mà hóa thông minh. Hai bác cháu đã ung dung đi qua trước mặt chúng. Những tảng đá ven đường sáng hẳn lên như vui trong nắng sớm.

A. I (1đ): Đọc thành tiếng: Đọc một trong ba đoạn văn của văn bản.

A. II. Đọc thầm và làm bài tập (khoảng 15 – 20 phút):

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng cho từng câu hỏi dưới đây:

1. (0,5 đ) Anh Kim Đồng được giao nhiệm vụ gì?

- a. Đi cào cỏ lúa cùng ông ké.
- b. Đón thầy mo về cúng cho mẹ ốm.
- c. Dẫn đường cho cán bộ cách mạng.

2. (0,5 đ) Vì sao cán bộ phải đóng vai ông già Nùng?

- a. Vì Hà Quảng là vùng có nhiều người Nùng sinh sống.
- b. Vì muốn che mắt địch để đi an toàn.
- c. Vì bác cán bộ muốn trở thành người Nùng.

3. (0,5 đ) Ai là người liên lạc nhỏ?

- a. Đức Thanh.
- b. Kim Đồng.
- c. Ông ké.

4. (0,5 đ) Khi gặp Tây đồn đem lính đi tuần thái độ của Kim Đồng và ông ké như thế nào?

- a. Lo sợ
- b. Lúng túng
- c. Bình tĩnh

5. (0,5 đ) Câu nào sau đây có bộ phận câu trả lời cho câu hỏi: Ai? Thế nào?

- a. Kim Đồng bình tĩnh huýt sáo.

b. Bé con đi đâu sớm thế?

c. Đón thầy mo này về cúng cho mẹ ốm.

6. (0,5 đ) Bộ phận in đậm, nghiêng trong câu “ Ông ké *ngồi ngay xuống bên tảng đá.*” trả lời cho câu hỏi nào?

a. Thế nào?

b. Là gì?

c. Làm gì?

7. (0,5 đ) Trong câu chuyện này nhân vật Kim Đồng có đức tính gì?

8. (0,5 đ) Gạch chân sự vật được so sánh với nhau trong câu thơ dưới đây:

Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

B. Kiểm tra kĩ năng viết chính tả và viết văn

B. I. Chính tả (Nghe – viết) (2,0 đ) bài Nhớ Việt Bắc (từ *Ta về, mình có nhớ ta đến Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.*) trang 65 sách Tiếng Việt 1B.

B. II. Viết đoạn văn (3,0 đ)

Em hãy viết một đoạn văn ngắn khoảng 5 câu kể cho các bạn nghe về việc học tập của em trong học kì I.

- Học kì I em đã học tập thế nào (chăm chỉ, chuyên cần hay chưa cố gắng)?

- Em thích học môn nào? Kết quả học môn nào của em tốt nhất?

- Bạn bè đã giúp đỡ em học tập hoặc em đã giúp bạn như thế nào?

- Thái độ của ông bà, cha mẹ trước kết quả học tập của em?

Đáp án đề thi học kì 1 môn Tiếng Việt lớp 3 - đề số 6

A. I (1đ): Đọc thành tiếng: Đọc một trong ba đoạn văn của văn bản.

A. II. Đọc thầm và làm bài tập: Học sinh chọn đúng mỗi câu được 0,5 điểm

1. (0,5 đ) Anh Kim Đồng được giao nhiệm vụ gì?

c. Dẫn đường cho cán bộ cách mạng.

2. (0,5 đ) Vì sao cán bộ phải đóng vai ông già Nùng?

b. Vì muốn che mắt địch để đi an toàn.

3. (0,5 đ) Ai là người liên lạc nhỏ?

b. Kim Đồng.

4. (0,5 đ) Khi gặp Tây đồn đem lính đi tuần thái độ của Kim Đồng và ông ké như thế nào?

c. Bình tĩnh

5. (0,5 đ) Câu nào sau đây có bộ phận câu trả lời cho câu hỏi: *Ai? Thế nào?*

a. Kim Đồng bình tĩnh huýt sáo.

6. (0,5 đ) Bộ phận in đậm, nghiêng trong câu “ Ông ké *ngồi ngay xuống bên tảng đá.*” trả lời cho câu hỏi nào?

c. Làm gì?

7. (0,5 đ) Trong câu chuyện này nhân vật Kim Đồng có đức tính gì?

Bình tĩnh, dũng cảm

8. (0,5 đ) Gạch chân sự vật được so sánh với nhau trong câu thơ dưới đây:

Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra

B. Kiểm tra kĩ năng viết chính tả và viết văn

B. I. Chính tả (Nghe – viết) (2,0 đ) bài Nhớ Việt Bắc (từ *Ta về, mình có nhớ ta đến Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.*) trang 65 sách Tiếng Việt 1B.

- Bài viết không mắc lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng trình bày đúng đoạn văn (2 điểm)

- Mỗi lỗi chính tả trong bài viết sai phụ âm đầu hoặc phần vần, thanh không viết hoa đúng quy định trừ 0,5 điểm .

B. II. Viết đoạn văn (3,0 đ)

- Câu văn dùng đúng từ, không sai ngữ pháp, chữ viết rõ ràng sạch đẹp được 3,0 điểm.
- Tùy theo mức độ sai sót về ý: về diễn đạt và chữ viết có thể cho các mức điểm sau: 2,5

Đề thi kiểm tra học kì I môn Tiếng Việt lớp 3 năm học 2013 – 2014 – Trường Tiểu học Lâm Đồng – Đề 1

Đề thi học kì 1 môn Tiếng Việt lớp 3 - đề số 1

A/ Đọc thầm :

Hũ bạc của người cha

1. Ngày xưa, có một nông dân người Chăm rất siêng năng. Về già, ông để dành được một hũ bạc. Tuy vậy, ông rất buồn vì cậu con trai lười biếng.

Một hôm, ông bảo con:

- Cha muốn trước khi nhắm mắt thấy con kiếm nổi bát cơm. Con hãy đi làm và mang tiền về đây!

2. Bà mẹ sợ con vất vả, liền dúm cho một ít tiền. Anh này cầm tiền đi chơi mấy hôm, khi chỉ còn vài đồng mới trở về đưa cho cha. Người cha vút ngay nắm tiền xuống ao. Thấy con vẫn thản nhiên, ông nghiêm giọng:

- Đây không phải tiền con làm ra .

3. Người con lại ra đi. Bà mẹ chỉ dám cho ít tiền ăn đường. Ăn hết tiền, anh ta đành tìm vô một làng xin xay thóc thuê. Xay một thúng thóc được trả công hai bát gạo, anh chỉ dám ăn một bát. Suốt ba tháng, dành dụm được chín mươi bát gạo, anh bán lấy tiền.

4. Hôm đó, ông lo đang ngồi sưởi lửa thì con đem tiền về. Ông liền ném luôn mấy đồng vào bếp lửa. Người con vội thọc tay vào lửa lấy ra. Ông lo cười chảy nước mắt :

- Bây giờ cha tin tiền đó chính tay con làm ra. Có làm lụng vất vả, người ta mới biết quý đồng tiền.

5. Ông đào hũ bạc lên, đưa cho con và bảo :

- Nếu con lười biếng, dù cha cho một trăm hũ bạc cũng không đủ. Hũ bạc tiêu không bao giờ hết chính là hai

(Theo truyện cổ tích Chấm)

B/ Dựa vào nội dung bài đọc, em hãy khoanh tròn chữ cái trước những ý trả lời *đúng* cho từng câu hỏi dưới đây:

Câu 1 : *(0,5 điểm)* Ông lão trước khi nhắm mắt muốn con trai mình trở thành người như thế nào?

- a. Muốn con trai trở thành người có nhiều hũ bạc.
- b. Muốn con trai trở thành người tự mình kiếm nổi bát cơm.
- c. Muốn con trai trở thành người ăn nhiều bát cơm.

Câu 2 : *(0,5 điểm)* Người con đã vất vả làm lụng và tiết kiệm như thế nào để đem tiền về cho cha?

- a. Anh này cầm tiền của mẹ đưa đi chơi mấy hôm, khi chỉ còn vài đồng mới trở về đưa cho cha..
- b. Đi buôn bán, được bao nhiêu tiền thì để dành không dám ăn uống gì.
- c. Xay thóc thuê, xay một thúng thóc trả công 2 bát gạo. Anh chỉ dám ăn một bát. Suốt ba tháng dành dụm chín mươi bát gạo, anh bán lấy tiền.

Câu 3 : *(1 điểm)* Khi ông lão vớt tiền vào bếp lửa, người con đã làm gì ? Vì sao?

- a. Người con vội thọc tay vào lửa lấy tiền ra vì tiền đó do anh vất vả kiếm được.
- b. Người con vẫn thản nhiên như không vì tiền đó không phải do anh làm ra.
- c. Người con vội thọc tay vào lửa lấy tiền ra vì đó là tiền mẹ anh cho.

Câu 4 : (1 điểm) Ý nào dưới đây nói lên ý nghĩa của truyện?

- a. Có làm lụng vất vả, người ta mới biết quý đồng tiền.
- b. Hũ bạc tiêu không bao giờ hết chính là hai bàn tay con người.
- c. Cả hai ý trên đều đúng .

Câu 5: (1 điểm) Trong câu ‘**Có làm lụng vất vả người ta mới biết quý đồng tiền**’, từ chỉ hoạt động là :

- a.Vất vả.
- b.Đồng tiền .
- c.Làm lụng

A. CHÍNH TẢ: 15 phút

Bài viết : “Đêm trăng trên Hồ Tây”.sách TV3 (tập 1 - trang 105).

B. TẬP LÀM VĂN: (25 phút)

Đề : **Viết một đoạn văn ngắn(8 – 10 câu) giới thiệu về tổ em dựa vào các gợi ý sau:**

1. Tổ em gồm những bạn nào?
2. Mỗi bạn có đặc điểm gì hay?
3. Tháng vừa qua, các bạn làm được những việc gì tốt?

Đáp án đề thi học kì 1 môn Tiếng Việt lớp 3 - đề số 1

1. BÀI ĐỌC HIỂU

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	b	c	a	c	c
Điểm	0,5	0,5	1	1	1

II. CÁCH CHO ĐIỂM VIẾT

1. Chính tả : (5 điểm)

- HS nghe viết chính xác được bài chính tả trong 15 phút. Không mắc quá 5 lỗi (*lỗi trừ một lần*), viết đúng quy tắc chính tả, kỹ thuật viết liền mạch, viết hoa đúng theo quy định, chữ viết đều nét, thẳng hàng trình bày đúng thể loại văn xuôi (ghi 5 điểm)

- HS viết không đạt một trong các yêu cầu trên GV trừ từ 0,5 điểm trở lên

2. Tập làm văn : (5 điểm)

- Giới thiệu được tổ của mình, nêu được đặc điểm nổi bật của các bạn trong tổ, nêu các hoạt động của tổ đạt được trong tháng vừa qua.

- Trình bày đúng đủ yêu cầu của bài Tập làm văn, chữ viết đẹp, không sai lỗi chính tả, trình bày đẹp.

- Mắc một trong các lỗi trên trừ dần từ 0,25 trở đi

Đề thi kiểm tra học kì I môn Tiếng Việt lớp 3 năm học 2013 – 2014 – Trường Tiểu học Lâm Đồng – Đề 2

A. Đọc thầm :

Cửa Tùng

...Từ cầu Hiền Lương, thuyền xuôi khoảng 6 cây số nữa là đã gặp biển cả mênh mông. Nơi dòng Bến Hải gặp sóng biển khơi ấy chính là Cửa Tùng. Bãi cát ở đây từng được ngợi ca là “ Bà chúa của các bãi tắm”. Điều kì thay, trong một ngày, Cửa Tùng có ba màu sắc nước biển. Bình minh, mặt trời như chiếc thau đồng đỏ ối chiếu xuống mặt biển, nước biển nhộm màu hồng nhạt. Trưa, nước biển xanh lơ và khi chiều tà thì đổi sang màu xanh lục.

Người xưa đã ví bờ biển Cửa Tùng giống như một chiếc lược đồi mồi cài vào mái tóc bạch kim của sóng biển.

B. Dựa vào nội dung bài đọc, em hãy khoanh tròn chữ cái trước những ý trả lời đúng cho từng câu hỏi dưới đây:

Câu 1: Em hiểu thế nào là “ Bà chúa của các bãi tắm”?

1. Là bãi tắm đẹp nhất trong các bãi tắm.
2. Là bãi tắm có nhiều cát.
3. Là bãi tắm có rất nhiều người tắm.

Câu 2: Cửa Tùng có mấy màu sắc nước biển?

1. Có một màu sắc nước biển.
2. Có hai màu sắc nước biển.
3. Có ba màu sắc nước biển.

Câu 3: Trong câu : “Cửa Tùng giống như một chiếc lược đồi mồi cài vào mái tóc bạch kim của sóng biển”. Những hình ảnh được so sánh với nhau là:

1. Cửa Tùng so sánh với mái tóc.
2. Cửa Tùng so sánh với một chiếc lược đồi mồi.
3. Cửa Tùng so sánh với sóng biển.

Câu 4 : Khoanh vào mẫu câu “ Ai là gì?”

1. Cửa Tùng là nơi có bãi tắm đẹp nhất.
2. Trưa, nước biển Cửa Tùng chuyển sang màu xanh lơ.
3. Khi Chiều tà, nước biển Cửa Tùng đổi sang màu xanh lục.

A. CHÍNH TẢ: 15 phút

Bài viết : “Tiếng hò trên sông” sách TV3 (tập 1 - trang ...).

B. TẬP LÀM VĂN: (25 phút)

Đề : Hãy viết một bức thư thăm hỏi, báo tin với một người mà em quý mến (như: ông, bà, chú, bác, cô giáo cũ, bạn cũ,...), dựa theo gợi ý dưới đây:

- Dòng đầu thư: Nơi gửi, ngày.....tháng.....năm.....
- Lời xưng hô với người nhận thư.
- Nội dung thư (từ 5 đến 7 câu): Thăm hỏi (về sức khỏe, cuộc sống hằng ngày của người nhận thư...), báo tin (về tình hình học tập, sức khỏe của em....). Lời chúc và hứa hẹn.
- Cuối thư: Lời chào; kí tên.

Đáp án đề thi học kì 1 môn Tiếng Việt lớp 3 - đề số 2

1. BÀI ĐỌC HIỂU

Câu	1	2	3	4
Đáp án	a	c	b	a
Điểm	1	1	1	1

II. CÁCH CHO ĐIỂM VIẾT

1. Chính tả : (5 điểm)

- HS nghe viết chính xác được bài chính tả trong 15 phút. Không mắc quá 5 lỗi (*lỗi trùng trừ một lần*), viết đúng quy tắc chính tả, kỹ thuật viết liền mạch, viết hoa đúng theo quy định, chữ viết đều nét, thẳng hàng trình bày đúng thể loại văn xuôi (ghi 5 điểm)

- HS viết không đạt một trong các yêu cầu trên GV trừ từ 0,5 điểm trở lên

2. Tập làm văn : (5 điểm)

ND: 4đ

- phần đầu thư: 0,5đ

- Nội dung thư (từ 5 đến 7 câu): (3đ)**Thăm hỏi** (1.5đ)(về sức khỏe, cuộc sống hằng ngày của người nhận thư...), **báo tin** (1đ) (về tình hình học tập, sức khỏe của em....). Lời chúc và hứa hẹn.

. - Cuối thư: 0,5 đ

HT: 1đ

- Trình bày đúng đủ yêu cầu của bài Tập làm văn, chữ viết đẹp, không sai lỗi chính tả, trình bày đẹp.

- Mắc một trong các lỗi trên trừ dần từ 0,25 trở đi

Đề thi kiểm tra học kì I môn Tiếng Việt lớp 3 năm học 2013 – 2014 – Trường Tiểu học Lâm Đồng – Đề 3

A. PHẦN ĐỌC

I. Đọc thầm và làm bài tập (5điểm)

CÂY ĐA QUÊ HƯƠNG

Cây đa nghìn năm đã gắn liền với thời thơ ấu của chúng tôi. Nói đúng hơn, đó là cả một tòa cổ kính hơn là cả một thân cây. Chín, mười đứa bé chúng tôi bắt tay nhau ôm không xuể. Cành cây lớn hơn cột đình. Đỉnh chót vót giữa trời xanh, đến những con quạ đậu trên cao nhìn cũng chẳng rõ. Rễ cây nổi lên mặt đất thành những hình thù quái lạ, như những con rắn hổ mang giận dữ. Trong vòm lá, gió chiều gảy lên những điệu nhạc li kí, có khi tưởng chừng như ai cười ai nói trong cành lá.

Chiều chiều, chúng tôi ra ngồi gốc đa hóng mát. lúa vàng gợn sóng. Xa xa giữa cánh đồng, đàn trâu bắt đầu ra về, lưng thưng từng bước nặng nề, bóng sừng trâu dưới ánh chiều, kéo dài lan giữa ruộng đồng yên lặng.

Nguyễn Khắc Viện

(TV3-T1-Tr84 – SGK cũ)

Đọc thầm bài văn trên ,sau đó khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng cho mỗi câu hỏi dưới đây:

1/ Nghĩ về quê hương ,tác giả nhớ đến hình ảnh nào ?

- | | |
|--------------|-------------|
| a. Cánh đồng | b. Đàn trâu |
| c. Cây đa | d. Mái đình |

2/ Từ ngữ nào dưới đây tả thân cây đa ?

- | | |
|---------------------|-----------------|
| a. rất to | b. ôm không xuể |
| c. lớn hơn cột đình | d. chót vót |

3/ Bài văn có mấy hình ảnh so sánh ?

a. 1 hình ảnh

b.2 hình ảnh

c. 3hình ảnh

d.4hình ảnh

4/ Các từ nào dưới đây nói về đặt điểm của con người?

a/ Tiên ông, nhà vua.

b/ Chăm chỉ, tốt bụng.

c/ Nhìn ngắm, mơ ước.

5/ Đặt một câu theo mẫu: Ai thế nào?

II.Đọc thành tiếng (5 điểm)

HS bốc thăm một trong các bài tập đọc để đọc rồi trả lời câu hỏi.

1/Người con của Tây Nguyên (TV3-T1-Tr103) .

2/ Hũ bạc của người cha (TV3-T1-Tr121)

3/ Đôi bạn (TV3-T1-Tr130)

4/ Cửa Tùng (TV3-T1-Tr109)

B. PHẦN VIẾT

1/ Chính Tả: (Nghe viết)

2/ Tập làm văn :

Đề bài : Hãy viết một bức thư ngắn (từ 5 đến 7 câu) hỏi thăm một người bạn mà em quý mến.

Đáp án đề thi học kì 1 môn Tiếng Việt lớp 3 - đề số 3

A/PHẦN ĐỌC

.Đọc thầm và làm bài tập (5 điểm)

(mỗi câu đúng đạt 1 điểm)

1.c 2.b 3.b 4.b 5. HS tự đặt câu

Đọc thành tiếng

1/ Người con của Tây Nguyên (đoạn 3)-SGKTV3/103 tập 1 .

Trả lời câu hỏi: Đại hội tặng dân làng Kông Hoa những gì? Khi xem những vật đó , thái độ của mọi người ra sao ?

2/ Hũ bạc của người cha (đoạn 4)-SGKTV3/121 tập 1.

Trả lời câu hỏi: Khi ông lão vớt tiền vào bếp, người con làm gì ? vì sao?

3/ Đôi bạn (đoạn 3)-SGKTV3/130 tập 1.

Trả lời câu hỏi: Em hiểu câu nói của người bố như thế nào?

4/ Cửa Tùng (đoạn : Từ đầu.....chính là Cửa Tùng)-SGKTV3/109 tập 1.

Trả lời câu hỏi: Cảnh hai bên bờ sông Bến Hải có gì đẹp?

- Đọc đúng tiếng , đúng từ :3 điểm(đọc sai dưới 3 tiếng : 2,5 điểm, đọc sai 3 hoặc 4 tiếng :2 điểm ,đọc sai 5 hoặc 6 tiếng : 1,5 điểm, đọc sai 7 hoặc 8 tiếng: 1 điểm,đọc sai 9 hoặc 10 tiếng : 0,5 điểm, đọc sai trên 10 tiếng : 0 điểm).

- Ngắt nghỉ hơi đúng các dấu câu ,các cụm từ một cách hợp lí (có thể mắc lỗi về ngắt nghỉ hơi ở một hoặc hai chỗ) :1 đ.Không ngắt nghỉ hơi đúng ở 3 đến 4 dấu câu : 0.5 điểm (không ngắt nghỉ hơi đúng ở 5 dấu câu trở lên :0 điểm).

- Tốc độ đạt yêu cầu (không quá 1 phút) :1 điểm.

(Đọc quá 1 đến 2 phút :0.5 đ, đọc quá 2 phút phải đánh vắn nhảm :0 điểm.)

- Trả lời đúng ý câu hỏi do GV nêu : 1 điểm.

(Trả lời chưa đủ ý hoặc diễn đạt chưa rõ ràng :0.5 đ, không trả lời được hoặc trả lời sai ý :0 điểm)

B/ PHẦN VIẾT

1/ CHÍNH TẢ (Nghe viết)

Cây gạo

Cây gạo già mỗi năm lại trở lại tuổi xuân, cành nặng trĩu những hoa đỏ mọng và đầy tiếng chim hót.Chỉ cần một làn gió nhẹ hay một đôi chim mới đến là có ngay mây bông gạo lia cành. Những bông hoa rơi từ trên cao, đài hoa nặng chúi xuống, những cánh hoa đỏ rực quay tít như chong chóng nom thật đẹp.

- Bài viết không mắc lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng ,trình bày đúng : 5 điểm

-Mỗi lỗi chính tả trong bài viết sai , lẫn phụ âm đầu hoặc vần, không viết hoa đúng quy định (trừ 0,5 điểm/ lỗi). Sai dấu thanh , dấu câu (trừ 0,25 đ/ lỗi). Nếu chữ viết không rõ ràng , sai về độ cao – khoảng cách – kiểu chữ, hoặc trình bày bẩn bị trừ 0,5 đ toàn bài.

2/ Tập làm văn : (5 điểm)

Viết được bức thư ngắn theo yêu cầu ở đề bài (đủ các phần của 1 bức thư), riêng phần nội dung thư viết được 5 câu trở lên. Viết câu đúng ngữ pháp, dùng từ đúng , không mắc lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng , trình bày sạch sẽ. Tùy theo mức độ sai sót về ý , về diễn đạt và chữ viết , giáo viên có thể cho các mức điểm sao cho chính xác, phù hợp , công bằng.